

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 543/2026/DS-PT

Ngày: 24/6/2026

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên .

Trong các ngày 18 và ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 763/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (T1).

Đại diện theo pháp luật: ông **Đỗ Bích H** - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: **Lê Ngọc Bảo K**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: P, Tầng A S, F L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

Ông Đặng Văn Thanh Minh D, sinh năm: 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp F, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Trúc D1, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, Khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: **Nguyễn Thị Trúc D1.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (T1) có đại diện theo ủy quyền là Lê Ngọc Bảo K trình bày:

Ngày 30/05/2023 và ngày 06/07/2023 T1 có lần lượt giao kết 02 Hợp đồng tín dụng số 1000918812 và 1000937242 với ông Đặng Văn Thanh Minh D và chị Nguyễn Thị Trúc D1 (Bên Vay) thông qua việc Bên vay đề nghị cấp và T1 (Bên Cho vay) đồng ý cấp tín dụng cho các khoản vay với chi tiết lần lượt như sau:

Ngày 30/5/2023, hợp đồng số 1000918812, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất ban đầu 11,49%/năm, thời gian điều chỉnh lãi suất 03 tháng. Lãi suất hiện tại là 11,85%/năm.

Ngày 06/7/2023, hợp đồng số 1000937242, số tiền vay là 850.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất ban đầu 9,99%/năm, thời gian điều chỉnh lãi suất 03 tháng. Lãi suất hiện tại là 11,85%/năm.

Ngoài ra, nếu bên vay không thanh toán đúng hạn theo lịch thanh toán, phải chịu lãi suất quá hạn tương đương 150% lãi suất vay tại thời điểm tương ứng cho phần chậm thanh toán.

Tài sản bảo đảm cho 02 hợp đồng vay được liệt kê cụ thể như sau:

Hợp đồng số 1000918812, tài sản bảo đảm là xe Toyota Camry, số khung MR2BN3HK804008463, số máy 6ARP550708, biển kiểm soát 66A20490.

Hợp đồng số 1000937242, tài sản bảo đảm là xe Toyota Fortuner, số khung RL4JB3GS6P2537026, số máy 2GD1300014, biển kiểm soát 66A22279.

Từ sau khi giao kết các hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, Bên Vay chỉ thanh toán cho T1 số tiền đối với từng Hợp đồng tín dụng được liệt kê theo bảng sau:

Hợp đồng số 1000918812, do bị đơn thanh toán nợ gốc là 26.666.668 đồng, tiền lãi 18.295.503 đồng. Đến nay còn nợ gốc 373.333.332 đồng; lãi trong hạn 67.186.265 đồng; lãi quá hạn 30.574.702 đồng. Tổng cộng: 471.094.299 đồng.

Hợp đồng số 1000937242, do bị đơn thanh toán nợ gốc 14.500.000 đồng. Đến nay còn nợ gốc 835.500.000 đồng; lãi trong hạn 177.124.427 đồng; lãi quá hạn 54.516.871 đồng. Tổng cộng: 1.067.141.298 đồng.

Bên Vay đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, mặc dù T1 liên tục liên hệ nhắc nhở, gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả cũng như yêu cầu chẹn giao tài sản bảo đảm để T1 xử lý thu hồi nợ theo quy định của pháp luật nhưng Bên Vay vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, hành vi vi phạm Hợp đồng này đã gây nhiều khó khăn cho T1 trong hoạt động kinh doanh của mình.

Như vậy, việc bên vay không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả là vi phạm Điều 12 của các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng – một phần không tách rời của các Hợp đồng tín dụng số 1000918812 và 1000937242. Căn cứ theo Điều 12 các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 1000918812 và 1000937242, T1 có quyền chấm dứt việc cho vay, buộc bên vay có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ đã quá hạn và toàn bộ số dư nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng cho T1 theo bảng sau là (số liệu được tính đến ngày 19/9/2025):

Hợp đồng số 1000918812, do bị đơn thanh toán nợ gốc là 26.666.668 đồng, tiền lãi 18.295.503 đồng. Đến nay còn nợ gốc 373.333.332 đồng; lãi trong hạn 67.186.265 đồng; lãi quá hạn 30.574.702 đồng. Tổng cộng: 471.094.299 đồng.

Hợp đồng số 1000937242, do bị đơn thanh toán nợ gốc 14.500.000 đồng. Đến nay còn nợ gốc 835.500.000 đồng; lãi trong hạn 177.124.427 đồng; lãi quá hạn 54.516.871 đồng. Tổng cộng: 1.067.141.298 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ của 02 hợp đồng là 1.538.235.597 đồng.

Những điều khoản trên của Hợp đồng tín dụng được nêu chi tiết tại các Điều 6,12,17 của Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng. Đồng thời những quy định này cũng phù hợp với những quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT- NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng N ban hành ngày 30/12/2016.

Do vậy, để quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty chúng tôi được đảm bảo, các quy định của pháp luật được tôn trọng và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, T1 kính đề nghị Q Tòa án:

Buộc bên vay thanh toán toàn bộ số tiền vay còn nợ T1 là 1.538.235.597 đồng và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi Bên Vay thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu.

T1 được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm đối với khoản vay của Bên Vay tại T1 để căn trừ vào nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ số tiền theo yêu cầu của T1 được chấp thuận, bên vay phải tiếp tục thanh toán cho T1 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Chi tiết các tài sản bảo đảm được liệt kê như sau:

Hợp đồng số 1000918812, tài sản bảo đảm là xe Toyota Camry, số khung MR2BN3HK804008463, số máy 6ARP550708, biển kiểm soát 66A20490.

Hợp đồng số 1000937242, tài sản bảo đảm là xe Toyota Fortuner, số khung RL4JB3GS6P2537026, số máy 2GD1300014, biển kiểm soát 66A22279.

** Bị đơn anh Đặng Văn Thanh Minh D và chị Nguyễn Thị Trúc D1 trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.*

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 99, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc D1 và anh Đặng Văn Thanh M D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 số tiền nợ gốc và lãi 1.538.235.597 đồng.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Trúc D1 và anh Đặng Văn Thanh M D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1, tài sản bảo đảm là xe Toyota Camry, số khung MR2BN3HK804008463, số máy 6ARP550708, biển kiểm soát 66A20490 do anh D đứng tên và xe Toyota Fortuner, số khung RL4JB3GS6P2537026, số máy 2GD1300014, biển kiểm soát 66A22279 do chị D1 đứng tên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 20/9/2025, chị Nguyễn Thị Trúc D1 và anh Đặng Văn Thanh M D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 thì lãi suất mà chị Nguyễn Thị Trúc D1 và anh Đặng Văn Thanh M D phải tiếp tục thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1, trừ trường hợp các đương sự có thoả thuận khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, giải thích về quyền được thoả thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 17/10/2025, bị đơn Nguyễn Thị Trúc D1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên T1 về việc buộc chị Nguyễn Thị Trúc D1 liên đới cùng anh Đặng Văn Thanh M D trả số tiền nợ 1.538.235.597 đồng với lý do chị D1 và anh D đã ly thân từ tháng 4/2022 đang chờ ly hôn. Chị D1 không đồng ý hay ký bất kỳ văn bản hợp đồng tín dụng thế chấp hay nhận bất kỳ tài sản nào cùng anh D với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Nguyễn Thị Trúc D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng anh Đặng Văn Thanh M D vắng mặt nhiều lần không rõ lý do.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị Trúc D1: Quá trình kháng cáo phúc thẩm thì chị Trúc D1 có yêu cầu Tòa án phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên của chị D1 tại 02 hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp. Kết quả giám định chữ ký và chữ viết trong các mẫu so sánh không phải chữ ký và chữ viết tên của chị D1. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh anh D vay tiền để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Xét kháng cáo của chị D1 là có cơ sở, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị D1, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự theo hướng không buộc chị D1 phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn Nguyễn Thị Trúc D1 có kháng cáo bản án sơ thẩm. Chị D1 đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Đối với anh Đặng Văn Thanh M D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi số tiền vay theo 02 hợp đồng tín dụng: **Hợp đồng số 1000918812**, tài sản bảo đảm là xe Toyota Camry, số khung MR2BN3HK804008463, số máy 6ARP550708, biển kiểm soát 66A-204.90; **Hợp đồng số 1000937242**, tài sản bảo đảm là xe Toyota Fortuner, số khung RL4JB3GS6P2537026, số máy 2GD1300014, biển kiểm soát 66A-222.79. Theo nội dung của 02 hợp đồng nêu trên thì người vay là ông Đặng Văn Thanh M D cùng vợ là Nguyễn Thị Trúc D1. Tổng cộng số tiền nợ của 02 hợp

đồng là 1.538.235.597 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần thông báo thu hồi nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện, nên phát sinh tranh chấp. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì bị đơn Nguyễn Thị Trúc D1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Chị Trúc D1, nhận thấy: Căn cứ **Hợp đồng số 1000918812** ngày 29/05/2023 thể hiện bên vay gồm người vay - Đặng Văn Thanh M D và người cùng vay - Nguyễn Thị Trúc D1, số tiền vay 400.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là mua xe ô tô; **Hợp đồng số 1000937242** ngày 03/7/2023 thể hiện bên vay gồm người vay - Nguyễn Thị Trúc D1 và người cùng vay - Đặng Văn Thanh Minh D, số tiền vay 850.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là mua xe ô tô. Cả hai hợp đồng này đều có ký tên và ghi họ tên của chị Trúc D1 và anh Minh D. Các khoản nợ nêu trên đến hạn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện .

[3.1] Quá trình kháng cáo bản án sơ thẩm thì chị trúc D1 có yêu cầu Tòa án phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên của chị D1 trong cả hai hợp đồng tín dụng nêu trên. Chị D1 cho rằng không biết gì về hai khoản vay tiền mua xe như các chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Tại kết luận giám định số 829/KL-KTHS ngày 14 tháng 05 năm 2026 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ đã kết luận “...Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Trúc D1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn thị Trúc D1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải do cùng một người ký, viết ra..”

[3.2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Trúc D1 không đồng ý liên đới cùng anh Đặng văn Thanh M D trả cho Công Ty T1 số tiền 1.538.235.597đồng. Xét hai hợp đồng tín dụng vay tiền thể hiện anh Minh D và chị Trúc D1 xác lập với T1, hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản có chữ ký của các bên, về hình thức được xem là phù hợp với pháp luật. Về nội dung, thì chị D1 cho rằng không có tham gia thỏa thuận và không ký kết hợp đồng tín dụng, nên chị D1 đã yêu cầu Tòa án phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Trúc D1. Căn cứ kết luận giám định số 829/KL-KTHS ngày 14 tháng 05 năm 2026 của Phòng K1 Công An tỉnh Đ đã xác định chữ ký và chữ viết trên hai hợp đồng tín dụng trên không phải do chị D1 ký và viết họ tên. Nên xác định cả hai hợp đồng này đều do anh Minh D xác lập, sau khi xét xử sơ thẩm thì anh M dương cũng không kháng cáo bản án sơ thẩm. Cho nên không có cơ sở xác định chị D1 tham gia giao dịch đối với cả hai hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ khởi kiện. Căn cứ kết luận giám định chữ ký thì phía nguyên đơn không có ý kiến phản đối, không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng tín dụng do tin tưởng nhân viên bán xe của công ty làm việc với khách hàng và đưa cho công ty tài chính giải ngân. Nguyên đơn cũng không có chứng cứ để chứng minh cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên vay tiền nhằm phục vụ cho cho nhu cầu thiết yếu của gia đình chị D1. Chị D1 thì không thừa nhận, đồng thời nộp thêm các chứng cứ thể hiện vợ chồng chị đang trong thời kỳ ly thân (được lối xóm và chính quyền áp xác nhận). Xét thấy, số tiền vay trên hai hợp đồng tín dụng

đang tranh chấp là số tiền lớn do anh Minh D thực hiện mà không có sự thống nhất của chị D1, đồng thời có hành vi gian dối trong việc xác lập hợp đồng ghi tên và ký tên chị Nguyễn Thị Trúc D1 là không có giá trị pháp lý đối với trách nhiệm thanh toán nợ của chị D1. Ngoài ra, số tiền vay được dùng để mua xe ô tô nhưng chị D1 cũng không biết, không sử dụng và không hưởng lợi gì đối với tài sản này. Đối với nguyên đơn khi xác lập hợp đồng tín dụng nhưng thiếu kiểm tra (như đối chiếu chữ ký gốc, xác minh danh tính), nguyên đơn phải chịu rủi ro pháp lý và không thể buộc chị Trúc D1 liên đới cùng anh Minh D trả nợ.

[4] Từ những căn cứ phân tích như trên, xét kháng cáo của chị Trúc D1 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trúc D1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Nguyên đơn và anh Đặng Văn Thanh Minh D phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, chị Trúc D1 có xuất chi số tiền chi phí giám định là 3.500.000 đồng theo phiếu thu số 29 ngày 02/6/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ. Tòa án đã căn cứ kết quả giám định để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D1, sửa bản án sơ thẩm. Do đó, nguyên đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị D1 phần chi phí tố tụng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 124, 130, 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 99, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Trúc D1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 40/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Buộc anh Đặng Văn Thanh M D có trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 số tiền nợ gốc và lãi 1.538.235.597 đồng.

Trường hợp anh Đặng Văn Thanh M D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1, tài sản bảo đảm là xe Toyota Camry, số khung MR2BN3HK804008463, số máy 6ARP550708, biển kiểm soát 66A204.90 do anh D đứng tên và xe Toyota Fortuner, số khung RL4JB3GS6P2537026, số máy 2GD1300014, biển kiểm soát 66A222.79 do chị D1 đứng tên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 20/9/2025, anh Đặng Văn Thanh M D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 thì lãi suất mà anh Đặng Văn Thanh M D phải tiếp tục thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1, trừ trường hợp các đương sự có thoả thuận khác.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 về việc buộc chị Nguyễn Thị Trúc D1 phải liên đới cùng trả nợ với anh Đặng Văn Thanh M D.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng (chi phí giám định) cho chị Nguyễn Thị T Duyên số tiền 3.500.000đồng.

5. Về án phí :

Chị Nguyễn Thị Trúc D1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do chị D1 nộp theo biên lai thu số 0005166 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp .

Anh Đặng Văn Thanh Minh D phải chịu 58.147.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 27.375.000đồng mà công ty đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000653 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên được hoàn lại 27.075.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 30 phút ngày 24 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Tòa PT- TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 6 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt